|  |  |
| --- | --- |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆPTHAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1038/BC-VNBC | *Quảng Ninh, ngày 26 tháng 3 năm 2014* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**

**NĂM 2013**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

-Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.

- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.

- Tên viết tắt : VNBC

- Mã chứng khoán : NBC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 9 ngày 18/9/2013 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

***-*** Điện thoại : (84.33) 3825 220

***-*** Fax : (84.33) 3625 270

***-*** Website : www.nuibeo.com.vn

***-*** Email : giaodich@nuibeo.com.vn

***-*** Vốn điều lệ : 279.986.260.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy chín tỷ, chín trăm tám sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

a) Việc thành lập:

- Mỏ than Núi Béo (nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin) được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lầm; Phía Nam giáp đ­ường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ l­ượng than trong biên giới khai thác mỏ là: ≈ 32 triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m3 và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m3/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Vỉa 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Vỉa 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Vỉa 14 đã xúc gầu đất đầu tiên.

*\* Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chỉ vẻn vẹn có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác đ­ược hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại t­ưởng như­ không thể v­ượt qua, đó là tình hình chất l­ượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gặp vỉa than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra đư­ợc cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Vỉa 14 để quay sang mở vỉa, tập trung khai thác ở khu vực Vỉa 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị tr­ường tiêu thụ và công tác đầu t­ư nên giai đoạn 1989 đến 1995 mỏ hầu như­ không phát triển đ­ược. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản l­ượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng ≈ 30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tư­ởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

*\*Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:*

- Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Uỷ ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là b­ước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin thực sự có những bước tiến phát triển v­ượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt đ­ược năm sau cao hơn năm tr­ước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần:

- Thực hiện Quyết định số: 3936/QĐ-BCN ngày 30 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/4/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng Việt Nam); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Ngày 27 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: NBC.

d) Tăng vốn điều lệ: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ năm 2011 đến nay Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng và tăng vốn từ 250 tỷ đồng lên 280 tỷ đồng (Số làm tròn) bằng việc phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than non (0520).

- Xây dựng công trình công ích (4220).

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).

- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).

- Khai thác và thu gom than cứng (0510).

- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).

- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).

- Khai thác quặng sắt (mã 0710).

- Khai thác và thu gom than bùn (0892).

- Xây dựng nhà các loại (4100).

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)

- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).

- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).

- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).

- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).

- Sửa chữa thiết bị điện (3314).

- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).

- Sửa chữa thiết bị khác (3319).

- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).

- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).

- Phá dỡ (4311).

- Chuẩn bị mặt bằng (4312).

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).

- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).

- Điều hành tua du lịch (7912).

- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).

- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).

- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).

b) Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**4. Thông tin về bộ máy quản lý**

- Hội đồng Quản trị : 5 thành viên;

- Ban kiểm soát : 3 thành viên;

- Ban lãnh đạo Công ty có : 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và 21 phòng ban, 17 phân xưởng đơn vị sản xuất, tổ chức theo mô hình sau:

******

**5. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty.**

***5.1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:***

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

***5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*** Năm 2013, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty ở từng thời điểm, cụ thể:

a) Phát triển kinh doanh than

Xây dựng Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến: Đến trước năm 2017 khai thác 6,7 triệu tấn than - kết thúc khai thác lộ thiên; đẩy nhanh tiến độ thi công dự án hầm lò; phấn đầu đào cặp giếng theo thiết kế để đến năm 2017 ra than trên 400 ngàn tấn và từ năm 2018, năm 2019 đạt công suất thiết kế - khai thác 2 triệu tấn than/năm.

b) Kinh doanh ngoài than

Đồng thời với sản xuất than, Công ty tiến hành thực hiện các dự án kinh doanh ngoài than, bao gồm:

*b1) Nhận thầu bốc xúc vận tải đất đá mỏ than Hà Tu*

- Khái quát dự án: Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh Công ty Cổ phần Than Hà Tu với sản lượng 34 triệu tấn than, bóc 544 triệu m3 đất, hệ số bóc đất 15,9 m3/tấn, thời hạn kết thúc dự án theo thiết kế vào năm 2027. Đây là dự án hết sức quan trọng, quyết định đến việc sử dụng lại lao động và thiết bị khai thác lộ thiên của Công ty khi kết thúc và chuyển sang khai thác hầm lò.

- Lộ trình và thể thức tham gia của Công ty: Công ty nhận thầu khoan, bốc, xúc, vận tải đất đá, san gạt bãi thải theo hợp đồng dài hạn với Công ty Cổ phần than Hà Tu khi được TKV cho phép.

*b2) Nhận thầu bốc xúc vận tải đất đá mỏ Khe Chàm II*

 - Khái quát dự án: Dự án Khe chàm II khai thác 40 triệu tấn than, bóc 694 triệu m3 đất, hệ số bóc đất 16,8 m3/tấn, thời gian kết thúc dự án theo thiết kế vào năm 2026. Dự án do Công ty Cổ phần Tây Nam Đá mài được Tập đoàn phân công làm chủ đầu tư.

- Lộ trình và thể thức tham gia của Công ty: Khi được TKV cho phép và trong điều kiện tham gia bốc xúc vận tải đất đá tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu còn dư năng lực thiết bị thì Công ty tiến hành tham gia nhận thầu bốc xúc, vận tải đất đá cho Công ty Cổ phần Tây Nam Đá theo hợp đồng dài hạn. Thời gian tham gia dự kiến từ năm 2017, Công ty tiến hành xây dựng nhà xưởng, nhà làm việc, tổ chức bộ máy, chuẩn bị lao động và các điều kiện khác để thi công.

*b) Kinh doanh các dịch vụ khác.*

- Kinh doanh dịch vụ nhà Văn hóa - Thể thao công nhân cột 5 thực hiện từ năm 2013. Kinh doanh dự án này bao gồm dịch vụ cho thuê nhà thi đấu thể thao, hội trường tổ chức các hội thảo, văn hóa thông tin, dịch vụ ăn uống phục vụ đám cưới, hội nghị.

- Kinh doanh nhà đa năng 799 Lê Thánh Tông: Dự kiến Công ty xây dựng tòa nhà đa năng này thiết kế xây dựng 02 tầng hầm, 11 tầng nổi; diện tích xây dựng khoảng 1500 m2; ngoài việc bố trí văn phòng làm việc của Công ty còn tổ chức dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc.

- Sử dụng quỹ đất hiện có tại Cơ khí Hòn Gai theo hướng xây dựng cụm chung cư hiện đại để kinh doanh kết hợp với việc cho công nhân hầm lò thuê nhà ở với giá hợp lý.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành tiến hành lập quy hoạch sử dụng quỹ đất sau khi kết thúc khai thác than lộ thiên.

- Ngoài các dự án trên, Công ty có thể tham gia các dự án khoáng sản; bốc xúc vận chuyển đất đá; san lấp mặt bằng; thi công được giao thông... Tùy theo quy mô, tính chất và hiệu quả của từng dự án, Công ty cân đối đầu tư thêm thiết bị và bổ sung nhân lực để triển khai cho phù hợp.

\* Trong chiến lược phát triển của Công ty từ năm 2013 đến năm 2020 thì giai đoạn 2014 - 2017 là khó khăn nhất, Công ty khai thác than với sản lượng thấp ảnh hưởng đến việc làm, đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.**

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm do Đại hội giao*

| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Kế hoạch** | **Thực hiện** | **So sánh %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Bóc đất đá lộ thiên | 1.000 M3 | 20.500 | 18.283 | 89,2 |
| 2 | Than nguyên khai sản xuất | 1.000 Tấn | 3.900 | 3.910,8 | 100,2 |
| 3 | Than sạch sàng tại mỏ | 1.000 Tấn | 1.934 | 1.940 | 100,31 |
| - | Than sạch từ than NK | “ | 1.584 | 1.562 | 98,61 |
| - | Than sạch khai thác lại | “ | 350 | 378 | 108,0 |
| 4 | Than tiêu thụ | 1.000 Tấn | 4.050 | 4.053,6 | 100,1 |
| 5 | Doanh thu tổng số | Tỷ đồng | 2.136,6 | 2.231,4 | 104,4 |
|  | *Trong đó, Doanh thu than* | Tỷ đồng | 2.115,7 | 2.217,8 | 104,8 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 50,6 | 103,4 | 204,3 |
| 7 | Tiền lương bình quân theo lao động định mức | 1.000đ/ng /tháng | 6.509 | 7.072 | 108,6 |
| 8 | Cổ tức | % | 10 | 14 | 140 |

\* Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2013, trước bối cảnh ngành than cũng như các Công ty sản xuất than lộ thiên gặp khó khăn trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm, tồn kho và thiếu việc làm ở mức cao, diện khai thác than thu hẹp, công nghệ khai thác xuống sâu, công tác đổ thải, đền bù giải phóng mặt bằng, môi trường còn có nhiều vướng mắc... song với truyền thống đoàn kết, vượt khó, năng động sáng tạo của tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên nên Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh (Chỉ tiêu bóc đất đá lộ thiên, Công ty chưa hoàn thành là do: (1)Thời tiết diễn biến hết sức phức tạp, mưa bão kéo dài. Cụ thể, trong năm có 138 ngày mưa, bão ảnh hưởng đến 389 ca sản xuất, trong đó có 220 ca (tương ứng với 73 ngày) phải nghỉ hoàn toàn các khâu bóc đất đá, khai thác than; (2)Chưa đền bù giải phóng mặt bằng được dẫn đến gặp khó khăn về diện đổ thải).

**2. Tổ chức và nhân sự:**

***2.1. Danh sách Ban điều hành***

a) Giám đốc điều hành

- Họ tên : **VŨ ANH TUẤN**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 18 tháng 3 năm 1968

- Nơi sinh : Quảng Ninh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100873656 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/8/2002

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 10/1989 - 01/1993 | Cán bộ Phòng Kỹ thuật  | Mỏ Than Núi Béo |
| 02/1993 - 10/1996 | Phó quản đốc CT Vỉa 14, Công trường Than 1  | Mỏ Than Núi Béo |
| 11/1996 - 07/1998 | Quản đốc công trường Than 1 | Mỏ Than Núi Béo |
| 08/1998 - 07/1999 | Quản đốc Phân xưởng Cảng | Mỏ Than Núi Béo |
| 07/1999 - 09/2001 | Trưởng phòng Điều khiển sản xuất | Mỏ Than Núi Béo |
| 10/2001 - 12/2002 | Quản đốc công trường vỉa 11 | Công ty Than Núi Béo |
| 01/2003 - 11/2003 | Trưởng phòng kỹ thuật  | Công ty Than Núi Béo |
| 12/2003 - 09/2009 | Phó giám đốc Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 10/2009 - 3/2010 | UV HĐQT – Giám đốc điều hành | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 4/2010 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư Đảng ủy Công ty

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 3.437 CP

- Số cổ phần đại diện vốn Nhà nước: 14.811.215 CP

b) Phó Giám đốc phụ trách kinh tế:

- Họ tên : **NGUYỄN PHÚC HƯNG**

**-** Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 19 tháng 10 năm 1954

- Nơi sinh : Huyện Tứ Kỳ - Tỉnh Hải Dương

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100310462 do CA Quảng Ninh cấp ngày 26/3/2002

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 09/1971 - 05/1973 | Thanh niên xung phong phục vụ tuyền tuyến tại D6, C106, BC18 |  |
| 06/1973 - 09/1974 | Học nghề tại xây lắp  | Mỏ Than Hòn Gai |
| 10/1974 - 01/1991 | CB xí nghiệp xây lắp  | Mỏ Than Hòn Gai |
| 02/1991 - 11/1995 | Kế toán trưởng  | Mỏ Than Núi Béo |
| 12/1995 đến nay | Phó Giám đốc  | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng ủy.

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 7.566 CP

c) Phó Giám đốc phụ trách sản xuất:

- Họ tên : **MAI QUẢNG THÁI**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 10 tháng 9 năm 1977

- Nơi sinh : Thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100621970 do CA Quảng Ninh cấp ngày 24/01/2013

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác

- Quá trình công tác :

| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| --- | --- | --- |
| 07/2001 - 07/2002 | Nhân viên kỹ thuật CT Vỉa 11 | Công ty Than Núi Béo |
| 08/2002 - 12/2004 | Nhân viên phòng kỹ thuật  | Công ty Than Núi Béo |
| 01/2005 - 10/2006 | Phó phòng kỹ thuật mỏ | Công ty Than Núi Béo |
| 11/2006 - 06/2007 | Phó giám đốc  | Công ty Cổ phần Crômit Cổ Định-Thanh Hoá |
| 07/2007 - 11/2009 | Trưởng phòng Kỹ thuật mỏ | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV |
| 12/2009 - 4/2011 | Phó giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV |
| 4/2011 đến nay | Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 915 CP

d) Phó Giám đốc phụ trách CĐVT:

- Họ tên : **LÊ NGỌC TUẤN**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 23 tháng 06 năm 1965

- Nơi sinh : Huyện Nông Cống – Tỉnh Thanh Hoá

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100462440 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/03/1990

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 06/1987 - 12/1988 | Cán bộ kỹ thuật  | Ban thiết kế 3 |
| 01/1989 - 03/1993 | Cán bộ phòng vật tư  | Mỏ Than Núi Béo |
| 04/1993 – 04/1997 | Phó phòng kế hoạch  | Mỏ Than Núi Béo |
| 05/1997- 11/1999 | Phó phòng vật tư  | Mỏ Than Núi Béo |
| 12/1999 - 11/2004 | Trưởng phòng vật tư  | Công ty Than Núi Béo |
| 12/2004 - 4/2008 | Phó Giám đốc  | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV |
| 4/2008 đến nay | Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty | Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 7.045 CP

đ) Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật:

- Họ tên : **NGUYỄN TUẤN DŨNG**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 06 tháng 12 năm 1968

- Nơi sinh : Huyện Kinh Môn - Tỉnh Hải Dương

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100769453 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/04/2000

-Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ

- Quá trình công tác :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 03/1989 - 03/1991 | Công nhân  | Mỏ Than Núi Béo |
| 03/1991 - 04/1993 | Bộ đội E43 | Tỉnh đội Quảng Ninh |
| 04/1993 - 07/1995 | Công nhân  | Mỏ Than Núi Béo |
| 08/1995 - 11/1996 | Phó phòng điều khiển  | Mỏ Than Núi Béo |
| 11/1996 - 03/1999 | Phó quản đốc - CT Than 1 | Mỏ Than Núi Béo |
| 04/1999 - 03/2006 | Quản đốc Công trường Than 1  | Công ty Than Núi Béo |
| 04/2006 - 09/2006 | Trưởng phòng ĐHSX  | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 10/2007 đến nay | Phó Giám đốc Công ty  | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 3.437 CP

e) Phó Giám đốc phụ trách hầm lò:

- Họ tên : **TRẦN QUỐC TUẤN**

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 22 tháng 08 năm 1968

- Nơi sinh : Thị xã Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Địa chỉ thường trú : Phường Yết kiêu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 011360636 do công an Hà Nội cấp ngày 12/04/1985

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác mỏ

- Quá trình công tác :

| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| --- | --- | --- |
| 09/1989 - 12/1991 | Công nhân  | Mỏ Than Vàng Danh |
| 01/1992 - 06/1993 | Nhân viên Phòng KHTT | Mỏ Than Vàng Danh |
| 07/1993 - 08/1997 | Nhân viên Phòng KTM | Mỏ Than Vàng Danh |
| 09/1997 - 09/1998 | Chuyên viên Ban ĐTXD | TVN |
| 10/1998 - 10/1999 | Chuyên viên Ban KTM&MT | TVN |
| 11/1999 - 08/2002 | Chuyên viên Ban KHCN&ĐT | TVN |
| 09/2002 - 12/2004 | Trưởng phòng Quản lý xây lắp | Ban Đầu Tư Phát Triển |
| 01/2005 - 12/2006 | Phó trưởng ban | Ban CBSX mỏ Than - TKV |
| 01/2007 - 12/2007 | Phó Giám đốc | Công ty Than Quang Hanh |
| 01/2008 - 05/2009 | Phó Giám đốc | Ban QLDA các công trình Than QN-TKV |
| 06/2009 - 05/2010 | Giám Đốc | Ban QLDA các công trình Than QN-TKV |
| 06/2010 – 06/2011 | Phó Giám đốc | Công ty tư vấn QLDA ĐTXD - TKV |
| 07/2011 đến nay | Phó Giám đốc | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 0 CP

f) Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ TÂM**

**-** Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 14/8/1971.

- Quê quán : Thị xã Đồ Sơn – TP Hải Phòng.

- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 Khu 2 P. Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

- Chứng minh nhân dân : 100665740 do CA Quảng Ninh cấp ngày 08/8/2005.

- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD.

- Quá trình công tác:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Chức danh, chức vụ** | **Đơn vị công tác** |
| 11/1991 – 6/1995 | Cán bộ Phòng KCS | Công ty Than Hòn Gai. |
| 07/1995 – 03/2005 | Cán bộ Phòng KTTK | Công ty Than Núi Béo. |
| 04/2005 – 02/2009 | Phó phòng KTTC | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV |
| 03/2009 đến nay | Kế toán trưởng | Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 25/02/2014: 895 CP

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Trong năm 2013, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2013 là: 2587 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 362 người, công nhân là: 2.225 người. Năm 2013, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập ổn định đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

***3.1. Công tác Đầu tư - XDCB:***

Năm 2013, giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ khai thác than lộ thiên là 70,4 tỷ đồng (bằng 96,28% kế hoạch). Trong đó: Đầu tư 01 máy xúc TLGN bánh lốp dung tích gầu 0,7m3; hệ thống âm thanh và ánh sáng cho nhà văn hóa thể thao công nhân...; Triển khai ký hợp đồng mua 04 xe Scania tải trọng 27 tấn; lập các hồ sơ và triển khai thi công 01 trạm cân ô tô 80 tấn; hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu Tái định cư Khe cá Hà Phong (trừ diện phần diện tích chưa GPMB); hoàn thiện và bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục nhà làm việc phòng KCS nhà làm việc PX SCO…; sửa chữa phục hồi xe cẩu Hyundai HD260, máy xúc EKG 5A số 2, hệ thống sàng 4, máy gạt Komatsu D85A số 6, 01 Xe CAT 773E, 02 xe Volvo A40D, 01 xe Volvo A35D.

***3.2. Dự án hầm lò:***

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện một số công việc chính như:

a) Công tác thi công các công trình phục vụ, phụ trợ: tiến hành từ đầu năm 2013, đến ngày 8/7/2013 lắp đặt xong các thiết bị thi công của giếng chính; ngày 22/7/2013 lắp đặt xong các thiết bị thi công của giếng phụ, bao gồm: móng tháp, móng trục tải, nhà trạm biến áp, nhà che tời trục, hệ thống đường điện, khí nén, đường nước, trạm trộn bê tông, tuyến pa lăng và nhà sửa chữa khoan, hệ thống thoát nước mặt...

b) Công tác thi công đào chống cặp giếng: Giếng đứng chính bắt đầu thi công bằng thiết bị đồng bộ từ ngày 9/7/2013; Giếng phụ bắt đầu thi công bằng thiết bị đồng bộ từ 23/7/2013. Kết quả năm 2013 thi công được 288m/321m, đạt 90% kế hoạch điều chỉnh. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch đào lò XDCB năm 2013 là do: (1) Đây là công trình lần đầu tiên Việt Nam đứng ra phối hợp với nhà thầu nước ngoài thiết kế, thi công giếng đứng nên còn nhiều bỡ ngỡ, phụ thuộc nhiều vào các nhà thầu thiết kế, thi công nước ngoài; (2) Thời gian lắp đặt thiết bị kéo dài do khối lượng thi công lớn, Chủ đầu tư và nhà thầu chưa lường hết được khối lượng công việc, những khó khăn nên khi triển khai làm chậm tiến độ 2 tháng; (3) Sự phối hợp giữa thầu chính và thầu phụ chưa tốt do bất đồng ngôn ngữ, việc kết hợp giữa thi công và kèm cặp, đào tạo lao động Việt Nam làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công; (4) Một số hạng mục phục vụ thi công đưa vào hoạt động chậm như trạm trộn bê tông, hệ thống bơm thoát nước lò... làm ảnh hưởng đến tiến độ công trình; (5) Trong tháng 12 do giếng chính gặp đứt gẫy nên phải dừng thi công để khoan thăm dò bổ sung, điều chỉnh thiết kế làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công; (6) Thời tiết trong năm mưa nhiều làm tăng lượng nước chảy vào giếng;

c) Công tác tư vấn, thiết kế - Quản lý dự án: (1)Tổ chức chỉ định thầu, ký hợp đồng tư vấn thẩm tra TKKT-TDT; thẩm tra bộ định mức đơn giá XDCT đào chống lò giếng đứng; thẩm tra TKBVTC-DT gói thầu số 16 “Cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải và tháp giếng”; gói thầu số 22 “Kiểm toán giai đoạn I”; (2)Ngày 06/02/2013, Viện KHCN mỏ đã lập xong hồ sơ TKKT-TDT, sau khi có ý kiến thẩm định sơ bộ của chủ đầu tư, báo cáo thẩm tra của Tư vấn thẩm tra và ý kiến của Tập đoàn (Công văn số 6726/VINACOMIN-ĐT ngày 17/12/2013), Tư vấn thiết kế đã hoàn thiện Công ty đang tiến hành phê duyệt; Viện KHCN mỏ đã chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định sơ bộ của Chủ đầu tư về Bộ định mức đơn giá XDCT đào chống lò giếng đứng và đã chuyển hồ sơ cho đơn vị tư vấn thẩm tra ; Công ty đã báo cáo Tập đoàn xin thông qua TKBVTC-DT gói thầu số 16 trước khi chính thức phê duyệt; (3) Công ty đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép khai thác, đã phối hợp với đơn vị tư vấn báo cáo công nghệ khai thác điều khiển đá vách bằng chèn lò trước các cơ quan ban ngành của tỉnh Quảng Ninh làm cơ sở để UBND Tỉnh báo cáo Tổng cục Địa chất - Khoáng sản cấp phép khai thác cho Dự án.

d) Giá trị thực hiện của toàn bộ dự án:

Đơn vị tính: *Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu vốn | Thực hiện năm 2013 | Lũy kế từ đầu dự án | So sánh với kế hoạch năm (%) |
| **Tổng số** | **201.589** |  **272.783** | **121%** |
| 1. Vốn nhà nước | - | - | - |
| 2. Vốn khác | 201.589 |  272.783 | 121% |
| *- Xây lắp* | *98.302* | *121.957* | *97%* |
| *- Thiết bị* | *-* | *-* | *-* |
| *- Chi phí khác* | *103.287* | *150.826* | *161%* |

**4. Tình hình tài chính**

***a) Tình hình tài chính***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2012** | **Năm 2013** | **% tăng giảm** |
| 1. Tổng tài sản | 1.080.191.709.290 | 1.173.457.730.351 | 108,6 |
| 2. Doanh thu thuần | 2.117.999.756.332 | 2.217.815.146.790 | 104,7 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 60.687.107.303 | 122.663.683.186 | 202,1 |
| 4. Lợi nhuận khác | 9.695.404.126 | (19.305.706.299) |  |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | 70.382.511.429 | 103.357.976.887 | 146,9 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế | 51.641.076.036 | 76.268.156.642 | 147,7 |
| 7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 46,473 | 51,395 | 110,59 |

  ***b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **Năm 2012** | **Năm 2013** |
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** |  |  |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,72 | 0,82 |
|  *TSLĐ/Nợ ngắn hạn* |  |  |
| - Hệ số thanh toán nhanh | 0,53 | 0,58 |
|  *(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn* |  |  |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** |  |  |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | 0,76 | 0,73 |
| - Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu | 3,09 | 2,76 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** |  |  |
| - Vòng quay hàng tồn kho | 16,08 | 17,07 |
|  *Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân* |  |  |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 1,96 | 1,89 |
| **4. Chỉ tiêu sinh lời** |  |  |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu | 0,024 | 0,034 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,20 | 0,24 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,047 | 0,064 |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,029 | 0.055 |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

***5.1. Cổ phần:*** Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 27.998.626 cổ phần, số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 27.998.626 cổ phần, số phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

***5.2. Cơ cấu cổ đông:*** Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 25/2/2014

| **STT** | **Phân loại cổ đông** | **Số lượng cổ đông** | **Số lượng cổ phần** | **Tỉ lệ nắm giữ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **I** | **Cổ đông là tổ chức** | **40** | **22.671.332** | **80,97** |
| 1 | Trong nước | 29 | 21.593.473 | 77,12 |
| *a* | *Cổ đông lớn* | *2* | *21.425.814* | *76,52* |
| - | TKV | 1 | 14.811.215 | 52,9 |
| - | Công ty CP CĐ Lạnh | 1 | 6.614.599 | 23,62 |
| *b* | *Cổ đông nhỏ* | *27* | *167.659* | *0,6* |
| 2 | Ngoài nước | 11 | 1.077.859 | 3,85 |
| *-* | *Cổ đông lớn* |  |  |  |
| *-* | *Cổ đông nhỏ* | *11* | *1.077.859* | *3,85* |
| **II** | **Cổ đông là cá nhân** | **1.762** | **5.327.294** | **19,03** |
| 1 | Trong nước | 1.670 | 4.796.377 | 17,13 |
| *-* | *Cổ đông lớn* |  |  |  |
| *-* | *Cổ đông nhỏ* | *1.670* | *4.796.377* | *17,13* |
| 2 | Ngoài nước | 92 | 530.917 | 1,9 |
| *-* | *Cổ đông lớn* |  |  |  |
| *-* | *Cổ đông nhỏ* | *92* | *530.917* | *1,9* |
|  | **Tổng cộng** | **1.802** | **27.998.626** | **100** |

5.3. Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu: Trong năm 2013, vốn của chủ sở hữu của Công ty tăng 48,4 tỷ đồng do: (1)Thu từ việc bán chứng khoán cho các cổ đông hiện hữu, tăng gần 30 tỷ đồng; (2)Thu từ hoạt động SXKD, sau khi phân phối lợi nhuận, tăng 18,5 tỷ đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

**III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đánh giá từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2013 như sau:

***1.1. Kỹ thuật sản xuất:***

Công tác kỹ thuật sản xuất của Công ty cơ bản đảm bảo các yêu cầu về quản lý kỹ thuật. Một số khu vực bị tụt lún có nguy cơ mất an toàn đã được Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật và lên các phương án phòng tránh kịp thời, hiệu quả. Các công việc phát sinh ngoài công nghệ đã lập phương án thi công, cập nhật, báo cáo kịp thời và được Tập đoàn nghiệm thu, bổ sung chi phí.

Công ty đã hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Dự án mở rộng khai thác lộ thiên mỏ than Núi Béo gửi Bộ TN&MT; đang cùng đơn vị Tư vấn triển khai lập hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch sử dụng đất sau kết thúc khai thác lộ thiên; Lập xong kế hoạch kỹ thuật công nghệ giai đoạn năm 2013 ÷ 2017…

Công ty đã tích cực phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm, lập và thẩm định các phương án Đền bù - GPMB khu 4 phường Hà Tu. Tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn gặp rất nhiều khó khăn đặc biệt là khu vực tổ 11,12 - khu 4 - phường Hà Tu là khu vực sụt lún, nguy cơ mất an toàn cao, ảnh hưởng đến việc cải tạo lại tuyến suối Hà Tu nên toàn bộ lượng nước suối Hà Tu chảy vào moong khai thác của Công ty gây ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, tăng khối lượng và chi phí bơm moong; đến nay chưa đền bù – GPMB được các hộ dân trồng rừng để phục vụ đổ thải khu vực bãi thải Chính Bắc theo kế hoạch. Năm 2013, Công ty đã bồi thường giải phóng mặt bằng và hỗ trợ cho hộ dân cư do ảnh hưởng của nổ mìn, mưa bão, thoát nước 254 trường hợp, với tổng giá trị là 13,8 tỷ đồng.

Công ty đã tăng cường quản lý, chế biến nâng cao chất lượng than. Kết quả đã giảm được độ tro than nguyên khai từ 37,41% xuống 37,4%, tăng được giá bán than 36,5 tỷ đồng; quy hoạch kho bãi chứa than đảm bảo sức chứa, quản lý thuận tiện, hiệu quả; hệ thống kho bãi chứa than hợp lý, than được che phủ bạt khi mưa bão, kho than được khơi thoát nước kịp thời làm giảm tổn thất cả về số và chất lượng.

***1.2. Công tác môi trường:***

Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện môi trường như: Thường xuyên tưới nước dập bụi, trồng cây phủ xanh đất trống khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải, đo nồng độ bụi trên khai trường làm việc, xây dựng các hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu, nhà chứa chất thải nguy hại, lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi, nạo vét các suối Hà Trung, Hà Tu, hệ thống cống rãnh trong Công ty...

Công ty đã hoàn thiện hồ sơ và được Bộ TN&MT phê duyệt báo cáo ĐTM và dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án “Mở rộng khai thác lộ thiên mỏ than Núi Béo”; hợp tác với CHLB Đức thực hiện Dự án quy hoạch sử dụng đất sau khai thác; Hợp tác với Hàn Quốc thực hiện trồng thử nghiệm cỏ, cây trên taluy mức +243 bãi thải Chính Bắc; hợp tác với Nhật Bản thực hiện trồng thử nghiệm cây Jatropha tại mặt bằng +24 bãi thải trong CT Đông Bắc; phối hợp với Công ty VITE lập Đề cương và Dự toán báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án: Xử lý tuyến suối thoát nước Hà Tu, kè chống đất đá trôi gây ngập lụt đến khu dân cư.

Tổng giá trị thực hiện công tác Môi trường năm 2013 là 9,96 tỷ đồng.

***1.3. Quản trị chi phí giá thành.***

Công ty đã tổ chức điều hành hợp lý, hạn chế thấp nhất những tổn thất trong điều hành; thiết bị, xe máy có giá thành cao, năng suất thấp, hoạt động kém hiệu quả, làm ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh đã được thanh lý hoặc niêm cất chờ xử lý; Từ tháng 9/2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi thời gian làm việc đối với bộ phận gạt làm đường và tưới nước dập bụi lệch 01 giờ so với thời gian làm việc theo quy định, từ đó đã giảm thiểu ách tắc sản xuất, nâng cao được năng suất xe vận tải.

Năm 2013, kinh tế vẫn còn khó khăn, Tập đoàn tiết giảm 5% tổng chi phí tương ứng với 108,5 tỷ đồng, nên ngay từ đầu năm và trong năm, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh, việc làm và thu nhập cho người lao động như: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng chương trình tiết giảm chi phí trong SXKD; ban hành kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; Xây dựng biện pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh; điều hành sản xuất 5 tháng cuối năm 2013; điều hành sản xuất quý IV và cả năm 2013; Hàng tháng rà soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cân đối lại năng lực, chi phí sản xuất đề ra phương hướng điều hành sản xuất kinh doanh cho những tháng tiếp theo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất; Triển khai giao khoán chi phí sản xuất, giao khoán quản trị công nghệ và chi phí sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc; khoán hạn mức bằng tiền đối với cán bộ, công nhân viên kỹ thuật của đơn vị, phòng ban tự túc sử dụng xe của cá nhân để phục vụ điều hành sản xuất; khoán hạn mức sử dụng văn phòng phẩm, điện thoại, dụng cụ đồ nghề cho các đơn vị, phòng ban tự mua sắm, trường hợp sử dụng vượt quá hạn mức thì trừ vào tiền lương của người sử dụng và người phụ trách đơn vị; hàng quý, 6 tháng, kết thúc năm kiểm tra thực hiện và quyết toán khoán với các đơn vị, phòng ban; các đơn vị đã xây dựng chương trình hành động và các biện pháp tiết giảm chi phí, ký kết biên bản giao nhận khoán với tổ sản xuất; đã triển khai lắp đặt và khai thác có hiệu quả hệ thống định vị theo dõi hành trình (GPS); lắp đặt các camera tại các trạm bảo vệ, kho vật tư chống thất thoát tài sản; hoàn thiện ứng dụng hệ thống eoffice vào công tác văn phòng của Công ty

Duy trì tồn kho vật tư tác nghiệp theo quý với hạn mức chi phí vật liệu theo kế hoạch, kết thúc năm giá trị tồn cuối kỳ đã giảm so với đầu kỳ (12,25/13,8 tỷ đồng); đàm phán với khách hàng cung ứng vật tư giảm 5% so với giá quý IV năm 2012 với giá trị thực hiện là 3,5 tỷ đồng; thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính giảm chi phí lãi vay so với kế hoạch, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính; hệ số nợ được đảm bảo.

***1.4. Quản lý thuê ngoài:***

Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước 01 gói thầu thuê ngoài bốc xúc, vận tải đất đá; không thuê các đơn vị ngoài TKV vận tải than và sản phẩm lẫn than theo quy định; hướng dẫn các nhà thầu thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn trong khai thác mỏ và quy định quản lý thuê ngoài; ký kết quy chế phối hợp với nhà thầu cùng làm tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trong sản xuất; kiểm tra các nhà thầu về năng lực thi công, quản lý lao động, điều kiện an toàn thiết bị và thực hiện những cam kết khác trong hợp đồng; 100% xe của nhà thầu vào làm việc trong khai trường của Công ty đã được lắp đặt GPS; Công ty đã đàm phán được với các nhà thầu giảm 1,5% giá trị thanh toán thuê ngoài bốc xúc, vận chuyển đất đá kể từ ngày 01/6/2013, tương ứng với giảm chi phí 2,52 tỷ đồng.

***1.5. Việc làm và chăm lo đời sống người lao động:***

- Về việc làm: Công ty cân đối đủ việc làm cho người lao động. Trong quá trình điều hành đã kiên quyết bố trí đủ việc làm cho người lao động của Công ty mới bố trí thiết bị và lao động thuê ngoài; Công ty đã ký hợp đồng thuê ngoài bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nên đã giảm được sức ép về lao động; người lao động có thời gian nghỉ bù, nghỉ tuần đúng quy định.

- Về quản lý lao động: Công ty tăng cường các biện pháp quản lý và đôn đốc thường xuyên, nhắc nhở và duy trì nghiêm kỷ luật lao động. Việc chấp hành quy trình quy phạm và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm kỷ luật nội quy lao động đã duy trì nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao ý thức của người lao động. Trong năm đã xử lý kỷ luật 23 vụ, trong đó khiển trách 77 trường hợp; kéo dài thời hạn nâng lương và cách chức 8 trường hợp (trong đó cách chức 02 cán bộ); chuyển làm việc khác 5 trường hợp; sa thải 01 trường hợp, tổng số tiền bồi thường vật chất: 41,525 triệu đồng, các vụ xử kỷ luật đều thực hiện nghiêm túc, chứng minh được lỗi của người lao động, xử đúng người, đúng tội.

- Về tuyển dụng lao động: Công ty đã phổ biến rộng rãi Quy chế tuyển dụng đến người lao động; chỉ tuyển dụng những đối tượng lao động kỹ thuật còn thiếu và bổ sung cho lao động nghỉ chế độ, chấm dứt HĐLĐ,…; hạn chế tuyển lao động phục vụ phụ trợ, giảm sức ép về lao động sau kết thúc khai thác lộ thiên. Trong năm đã tuyển dụng bổ sung thêm 40 lao động, trong đó: 12 lao động có trình độ đại học; 18 lao động là công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất.

- Về thu nhập: Công ty đã thực hiện khoán và chi trả tiền lương cho các đơn vị và người lao động gắn với hiệu quả quản trị chi phí; giao khoán tiền lương bằng 80% tổng quỹ tiền lương kế hoạch, đơn giá tiền lương trực tiếp của công nhân sản xuất chính đã được điều chỉnh phù hợp với quy định của Nhà nước và Tập đoàn. Năm 2013, mặc dù tiêu thụ than gặp nhiều khó khăn, Tập đoàn yêu cầu tiết giảm chi phí, trong đó có yếu tố tiền lương nhưng Công ty vẫn đảm bảo được thu nhập tiền lương bình quân theo định mức là 7.074 nghìn đồng/người/tháng, đạt 108,6% so với kế hoạch.

 - Chăm lo đời sống người lao động: Toàn bộ người lao động được khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm và 98% số lao động được khám sức khỏe định kỳ 02 lần trong năm, trong đó khám cho cán bộ chủ chốt 52 người, lao động nữ 700 người, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định và yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn; qua đó đã phát hiện được 20 trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp hiện đang làm thủ tục giám định và đề nghị cấp sổ bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định; Công ty đã tổ chức cho người lao động được đi nghỉ dưỡng sức phục hồi chức năng, bố trí đi thăm quan du lịch trong và ngoài nước; Công ty tiếp tục duy trì phong trào hoạt động Văn hoá - Thể thao nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người lao động, đã tổ chức thành công các môn thi đấu truyền thống như: Cờ vua, Cờ tướng, Kéo co nữ, Bóng đá nam, Bơi trong bể... thành lập các câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis các câu lạc bộ này đã triển khai hoạt động tại Nhà sinh hoạt VHTT công nhân....

***1.6. Công tác an sinh xã hội:***

Trong năm Công ty đã tạo việc làm ổn định cho 100% người lao động và tạo thêm việc làm cho 50 lao động của địa phương, trong đó con em người lao động trong Công ty là 48 người; Hộ đền bù giải phóng mặt bằng 02 người. Trong năm đã chi 3,3 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội từ nguồn quỹ phúc lợi với các nội dung thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình khó khăn, gia đình bị TNLĐ; đóng góp quỹ người nghèo với địa phương, tỉnh; ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa…

***1.7. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực:***

Công ty đã hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để đáp ứng kịp thời yêu cầu của quản lý; triển khai tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ, nhân viên kinh tế các công trường, phân xưởng; chọn cử, đăng ký cho một số cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ một số chuyên đề tại Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực TKV và các lớp nghiệp vụ phục vụ dự án hầm lò, lớp học văn bằng 2 khai thác mỏ 14 người, lớp học trung cấp chính trị 04 người, lớp học cao cấp lý luận chính trị hành chính 01 người; cử 01 đồng chí đi học lớp dự bị Giám đốc, 02 đồng chí đi học lớp cán bộ kế cận cấp cao; đào tạo thực tế tại mỏ Hà Lầm 02 người; cử 10 cán bộ kỹ thuật đi học bồi dưỡng công tác cơ điện mỏ góp phần nâng cao công tác quản lý trong lĩnh vực cơ điện, tu nghiệp tại Nhật Bản 05 người.

Phối hợp với trường Cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm- Vinacomin, Công ty Cổ phần than Hà Lầm ký kết hợp tác chiến lược về công tác tuyển sinh, đào tạo cán bộ công nhân kỹ thuật khai thác hầm lò chuẩn bị cho Dự án khai thác than hầm lò vào năm 2017; Công ty đã tuyển được trên 150 lao động cho đi học nghề mỏ hầm lò phục vụ cho dự án.

***1.8. Công tác an toàn:***

Công ty đã tiếp tục củng cố và hoàn thiện bộ máy làm công tác AT-VSLĐ, thành lập Hội đồng BHLĐ và phân công trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong Hội đồng; Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên Công ty ra nghị quyết liên tịch thực hiện công tác AT-VSLĐ và triển khai sâu rộng tới tất cả các phòng ban, đơn vị; công nhận 248 cán bộ công nhân trực tiếp sản xuất làm nhiệm vụ AT-VSV ở tất cả 17 đơn vị sản xuất, mạng lưới AT-VSV hoạt động rộng khắp tại trên 240 tổ sản xuất; xây dựng và thực hiện tốt chương trình hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN lần thứ 15; Công ty đặc biệt quan tâm chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra đôn đốc làm tốt công tác cảnh báo, dự báo đề phòng tai nạn, sự cố rủi ro có khả năng xảy ra trong sản xuất.

Thực hiện kiểm tra 100% chế độ định kỳ theo quy định; triển khai kiểm tra 13 lần chuyên đề; kiểm tra kỹ thuật - an toàn khai thác mỏ, nghiệm thu khối lượng mỏ, triển khai kế hoạch khai thác tháng được thực hiện ở tất cả các tháng; kiểm tra kỹ thuật - an toàn đường vận chuyển, bãi thải được định kỳ thực hiện vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần; kiểm tra PCCN thực hiện hàng quý. Sau các đợt kiểm tra đều thông báo công khai, rộng rãi kết quả trong toàn Công ty, trong đó nêu rõ những kiến nghị, trách nhiệm thực hiện và thời gian thực hiện.

Công ty đã tăng cường cán bộ an toàn, giám sát người lao động thực hiện quy trình quy phạm, đình chỉ và xử lý công khai, nghiêm khắc các đối tượng vi phạm. Kết quả trong năm đã có 46 kiến nghị cảnh báo, ghi sổ đối với các đơn vị sản xuất, lập biên bản 28 trường hợp người lao động vi phạm quy trình, quy phạm; xử lý kỷ luật 11 vụ, trong đó hình thức chuyển làm việc khác 04 trường hợp, khiển trách 11 trường hợp.

Công ty đã huấn luyện an toàn bước 1 cho 56 người lao động mới tiếp nhận và sinh viên thực tập; huấn luyện và cấp thẻ an toàn cho 272 lượt công nhân vào làm việc của đơn vị hợp đồng kinh tế; huấn luyện an toàn theo định kỳ cho 1.760 lượt người làm các ngành nghề; huấn luyện cho 211 công nhân kỹ thuật thi nâng bậc; huấn luyện cho 12 người cán bộ trước khi đề bạt; huấn luyện an toàn định kỳ cho 425 lượt người làm công việc có liên quan đến an toàn điện; 100 % người lao động trong Công ty đều ký cam kết thực hiện an toàn trong sản xuất.

Trong năm Công ty không xảy ra tai nạn, sự cố thiết bị loại I, loại II, loại III, sự cố cháy nổ, chỉ xảy ra 01 vụ tai nạn cho người, 11 vụ tai nạn - sự cố không phân loại (giảm 05 vụ so với 2012).

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác AT - BHLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Ý thức chấp hành nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ, công nhân chưa cao, còn vi phạm quy trình, quy phạm gây thiệt hại kinh tế; mạng lưới an toàn vệ sinh viên chưa phát huy hết vai trò và tác dụng của hệ thống; việc ghi chép sổ sách theo dõi, quản lý công tác AT-VSLĐ của một số đơn vị chưa được chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo các nguy cơ tai nạn - sự cố trong ca cần làm tốt hơn nữa...

***1.9. Công tác an ninh trật tự.***

Do khai trường sản xuất xen kẽ dân cư nên công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ chống khai thác, chế biến, tiêu thụ than trái phép hết sức phức tạp. Công ty đã: (1) ký và thực hiện tốt quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh và quản lý, khai thác, vận chuyển, kinh doanh than trái phép trên địa bàn với UBND thành phố Hạ Long, UBND các phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung; quy chế phối hợp với phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Quảng Ninh; quy chế phối hợp với Công an TP Hạ Long và Đội CSĐT về TTXH Công an TP Hạ Long; quy chế phối hợp với Công an các phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung và Hồng Hà; quy chế phối hợp với Công ty Kho vận Hòn Gai, Công ty TTHG, Trung đoàn 213, nhà thầu vận chuyển than về công tác bảo vệ than tiêu thụ; (2) chủ động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với chính quyền địa phương, Công an tỉnh, thành phố kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời các điểm khai thác than trái phép. Trong năm đã tổ chức 09 lần triệt phá, san lấp các điểm đào lò, san gạt, bốc xúc đất đá với mục đích khai thác than trái phép; (3) đối với các đơn vị hợp đồng hoạt động trong khai trường mỏ, Công ty đã triển khai ký Quy chế phối hợp bảo vệ an ninh, an toàn khai trường sản xuất và thành lập 05 cụm tự quản ANTT-AT-PCCN.

***1.10. Công tác Đầu tư – XDCB và Dự án hầm lò:*** Đã nêu ở mục 3, mục 4 phần II.

***1.11. Công tác khác:***

Năm 2013 là năm có nhiều sự kiện lịch sử và chính trị như kỷ niệm 50 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh, 20 năm thành lập thành phố Hạ Long, đặc biệt là kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty, Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua lao động sản xuất gắn với các sự kiện chính trị tạo thêm động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Kết quả, Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2013, Hội đồng TĐ - KT Công ty xét duyệt các danh hiệu thi đua năm 2013 cho 2610 người lao động, 21 phòng ban, 17 đơn vị sản xuất. Kết quả có 2.380 người đạt lao động tiên tiến, 255 người đạt chiến sĩ thi đua, 240 tổ sản xuất đạt lao động tiên tiến, 75 tổ sản xuất đạt lao động xuất sắc; Công ty xét duyệt và trình Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trên tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho 50 người đạt CSTĐ cấp TKV, 11 người đạt CSTĐ cấp Bộ Công thương, 14 người nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương, 03 người nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 03 người nhận Huân chương lao động; Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Tập đoàn trao tặng 64 người đạt Danh hiệu thợ Mỏ vẻ vang. Trong năm, Công ty có 129 công trình thi đua với tổng trị giá trên 7,8 tỷ đồng, các công trình thi đua vừa tạo khí thế thi đua trong LĐSX vừa tạo động lực khuyến khích người lao động tích cực tham gia với các phong trào phục vụ sản xuất chung của Công ty; Công tác sáng kiến, cải tiến luôn được Công ty coi trọng. Kết quả trong năm đã có 142 hồ sơ sáng kiến, cải tiến, hợp lý hoá của các đơn vị, phòng ban. Hội đồng sáng kiến Công ty phê duyệt 130 sáng kiến, với tổng giá trị làm lợi trên 9,2 tỷ đồng, thưởng 146,7 triệu đồng cho các tác giả. Các sáng kiến đã và đang áp dụng vào thực tế phục vụ sản xuất góp phần tích cực giảm chi phí sản xuất cho Công ty.

**2. Kế hoạch SXKD năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.**

***2.1 Chỉ tiêu, sản lượng khai thác lộ thiên***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Số lượng,****Giá trị** | **Ghi chú** |
| 1 | Bóc đất đá lộ thiên | 1.000 M3 | 14.160 |  |
| 2 | Than nguyên khai sản xuất | 1.000 Tấn | 1.600 |  |
| 3 | Than sạch sàng tại mỏ | 1.000 Tấn | 830 |  |
| - | Than sạch từ than NK | “ | 530 |  |
| - | Than sạch khai thác lại | “ | 300 |  |
| 4 | Than tiêu thụ | 1.000 Tấn | 1.845 |  |
| 5 | Doanh thu tổng số | Tỷ đồng | 1.542 |  |
|  | *Trong đó, Doanh thu than* | Tỷ đồng | 1.542 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 45,3 |  |
| 7 | Tiền lương bình quân theo lao động định mức | 1.000đ/người /tháng | 6.443 |  |
| 8 | Cổ tức | % | 8 |  |

***2.2. Triển khai thực hiện dự án hầm lò mỏ than Núi Béo:***

- Thi công xây lắp: Thi công đào chống cố định đoạn thân giếng, các ngã ba tổng cộng 524,37m, giá trị là 287,6 tỷ đồng. Trong đó: Giếng chính 240,65m, giá trị là 141,7 tỷ đồng; Giếng phụ 283,72m, giá trị là 145,9 tỷ đồng; Cung cấp để lắp đặt 233,75 tấn cốt giếng với giá trị là 39,6 tỷ đồng. Trong đó: cốt giếng chính là 104,5 tấn, giá trị là 18,2 tỷ đồng; cốt giếng phụ là 129,25 tấn, giá trị là 21,4 tỷ đồng; Tiếp tục thi công hoàn thiện mặt bằng sân công nghiệp +35 với giá trị 1,8 tỷ đồng; Thi công công trình tạm phục vụ thi công tháp giếng cố định với giá trị dự kiến 8 tỷ đồng. Tổng giá trị kế hoạch năm 2014 phần xây dựng: 297,3 tỷ đồng.

- Phần thiết bị: Bước đầu triển khai gói thầu số 16: Cung cấp và lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải và tháp giếng của giếng đứng chính vận tải than, giếng đứng phụ vận tải vật liệu, giá trị dự kiến là 106 tỷ đồng.

**3. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên**

**-** Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty “Mức chi trả cổ tức và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định” nên tại thời điểm lập báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 12/3/2014, Công ty mới tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo công văn số 614/Vinacomin- HĐTV ngày 8/2/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 20 tháng 3 năm 2014 vừa qua, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán và được thống nhất phân phối lợi luận năm 2013 theo công văn số 614/Vinacomin- HĐTV ngày 8/2/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

**-** Tại công văn số 6495/Vinacomin - KT, ngày 4/12/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo quyết toán tài chính năm 2013 có nêu rõ: ‘Về khoản vay dài hạn đến hạn phải trả: Theo chế độ kế toán quy định thì chỉ có khoản nợ dài hạn đến hạn trả thì mới hạch toán bút toán kết chuyển (ghi có TK 342 nợ TK 315), còn TK 341 (vay dài hạn) không bút toán kết chuyển này, Công ty đã phản ánh từng nguồn vay cụ thể trong thuyết minh báo cáo tài chính.

**-** Tại công văn số 820/TKV-KT ngày 19/02/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thực hiện kiến nghị của kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012, theo đó căn cứ Báo cáo tài chính năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước, các đơn vị căn cứ kết luận điều chỉnh hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2013 và kết quả số liệu điều chỉnh vào tài khoản 421.1 (lãi năm trước). Công ty đã thực hiện điều chỉnh đúng hướng dẫn.

**4. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.**

- Năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Các thành viên Ban Giám đốc đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xẩy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

**5. Kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2014.**

5.1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai thực hiện dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.

5.2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tái cấu trúc theo chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

5.3. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, nguồn than giao nhận, vận chuyển tiêu thụ than.

5.4. Thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng tại địa phương, bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một các vững chắc.

5.5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan, sinh động các hoạt động sản xuất, kinh doanh, văn hóa, xã hội của Công ty, nhất là những khó khăn thách thức do hậu quả của suy giảm kinh tế và các tấm gương vượt khó đi lên để người lao động nói riêng và xã hội nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ và các cấp chính quyền địa phương, Tập đoàn kịp thời hỗ trợ.

5.6. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành mỏ Hiện đại - An toàn – Xanh - Sạch - Đẹp. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

5.7. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

**IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | **Số buổi họp tham dự 2013** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ông Vũ Anh Tuấn | Chủ tịch | 3.437 | 30 |
| 2 | Ông Lã Tuấn Quỳnh | Ủy viên (không điều hành) | 4.587 | 30 |
| 3 | Ông Lê Ngọc Tuấn | Ủy viên | 7.045 | 3 |
| 4 | Ông Mai Quảng Thái | Ủy viên | 915 | 30 |
| 5 | Bà Đỗ Thị Thanh Huyền | Ủy viên không điều hành | 1.603 | 30 |

b) Hoạt động của các tiểu ban thuộc của HĐQT: Không

c) Hoạt động của HĐQT: Năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi tháng 2 lần, giải quyết tổng thể 48 đầu việc liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể:

| **STT** | **Số nghị quyết** | **Ngày** | **Nội dung** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 03/01/2013 | Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản để tham gia khóa học giáo dục định hướng (Ông Vũ Văn Hiền – Phòng KTM) |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 22/01/2013 | Ban hành Quy chế Quản lý Lao động và Tiền lương trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 22/01/2013 | Phê duyệt đơn giá, quỹ tiền lương, mức tiền lương thấp nhất và hệ số giãn cách tiền lương của các chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Bí thư ĐU, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN Công ty năm 2013. |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 22/01/2013 | Phê duyệt định mức năng suất lao động |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 01/02/2013 | Duyệt chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2012 |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 26/02/2013 | Điều chỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ cán bộ. |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 05/3/2013 | Phê duyệt định mức tiêu hao vật liệu, nhiên liệu, điện năng năm 2013 |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 09/3/2013 | Quyết toán quỹ tiền lương cho chức danh cán bộ quản lý cấp Công ty và cán bộ lãnh đạo chuyên trách các tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Công ty năm 2012 |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 09/3/2013 | Quyết toán quỹ tiền lương năm 2012 |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 19/3/2013 | Cử cán bộ đi học tập kinh nghiệm tại Hàn Quốc |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 28/3/2013 | Thưởng ban quản lý điều hành sản xuất |
| 12 | 12/NQ-HĐQT | 28/3/2013 | Giao nhiệm vụ cán bộ (Giao quyền TP TĐM cho ông Nguyễn Tiến Dụng) |
| 13 | 13/NQ-HĐQT | 28/3/2013 | Bổ nhiệm cán bộ (ông Bùi Quang Mạnh giữ chức Phó phòng KTM) |
| 14 | 14/NQ-HĐQT | 04/4/2013 | Phê duyệt kế hoạch chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 |
| 15 | 15/NQ-HĐQT | 04/4/2013 | Phê duyệt Dự án và kế hoạch đấu thầu Dự án xây dựng công trình mở rộng khai thác lộ thiên mỏ than Núi Béo |
| 16 | 16/NQ-HĐQT | 16/4/2013 | Thông qua giá chào bán cho đợt phát hành tăng vốn Điều lệ của Công ty |
| 17 | 17/NQ-HĐQT | 26/4/2013 | Giao nhiệm vụ cán bộ (Giao quyền TP KHTT cho ông Đỗ Anh Dân) |
| 18 | 18/NQ-HĐQT | 09/5/2013 | Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản để tham gia khóa học giáo dục định hướng (ông Chu Tiên Phong) |
| 19 | 19/NQ-HĐQT | 13/5/2013 | Xử lý kỷ luật cán bộ (Ông Nguyễn Duy Đề - Phó phòng ĐT-XDCB) |
| 20 | 20/NQ-HĐQT | 28/5/2013 | Bổ nhiệm lại cán bộ |
| 21 | 21/NQ-HĐQT | 10/6/2013 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Giám đốc đi Australia) |
| 22 | 22/NQ-HĐQT | 21/6/2013 | Phê duyệt kế hoạch ĐT-XD năm 2013 Công ty CP Than Núi Béo-Vinacomin |
| 23 | 23/NQ-HĐQT | 08/7/2013 | Bổ sung kế hoạch ĐT-XD năm 2013 Công ty CP Than Núi Béo-Vinacomin |
| 24 | 24/NQ-HĐQT | 18/7/2013 | Phân phối lại quyền mua cổ phiếu không chào bán hết qua đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2013 |
| 25 | 25/NQ-HĐQT | 22/7/2013 | Cử ông Vũ Anh Tuấn – Giám đốc điều hành Công ty đi công tác tại Liên bang Nga, Ucraina, Ba Lan, Cộng hoà Séc  |
| 26 | 26/NQ-HĐQT | 10/8/2013 | Cử cán bộ phòng KTM đi tu nghiệp tại Nhật Bản (Trương Đức Hiếu, Trần Xuân Hiếu) để tham khóa học giáo dục định hướng |
| 27 | 27/NQ-HĐQT | 28/8/2013 | Cử cán bộ đi học lớp đào tạo cán bộ kế cận cấp cao (Ông Vũ Anh Tuấn – Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thị Tâm – KTT Công ty) |
| 28 | 28/NQ-HĐQT | 30/8/2013 | Cử ông Vũ Anh Tuấn – Giám đốc điều hành Công ty đi công tác tại Canada  |
| 29 | 29/NQ-HĐQT | 30/8/2013 | Ban hành Quy chế hoạt động của Ban “Vì sự Tiến bộ phụ nữ” Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |
| 30 | 30/NQ-HĐQT | 30/8/2013 | Bổ nhiệm lại cán bộ  |
| 31 | 31/NQ-HĐQT | 30/8/2013 | Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Trũ, kỹ sư khai thác mỏ, quyền Quản đốc CT Đông Bắc giữ chức Quản đốc CT Đông Bắc  |
| 32 | 32/NQ-HĐQT | 06/9/2013 | Thông qua danh sách cổ đông mua cổ phiếu không chào bán hết qua đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm 2013 (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh) |
| 33 | 33/NQ-HĐQT | 06/9/2013 | Điều chỉnh mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương của các chức danh cán bộ quản lý cấp Công ty và cán bộ lãnh đạo các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty năm 2013 |
| 34 | 34/NQ-HĐQT | 08/10/2013 | Cử cán bộ đi học lớp đào tạo cán bộ kế cận cấp cao (Ông Vũ Anh Tuấn – Giám đốc và bà Nguyễn Thị Tâm – KTT) |
| 35 | 35/NQ-HĐQT | 08/10/2013 | Cử công nhân đi thăm quan du lịch Thái Lan (Công nhân tiêu biểu PX VT số 3)  |
| 36 | 36/NQ-HĐQT | 08/10/2013 | Áp dụng thang bảng lương trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin  |
| 37 | 37/NQ-HĐQT | 31/10/2013 | Bổ nhiệm lại cán bộ  |
| 38 | 38/NQ-HĐQT | 31/10/2013 | Bổ nhiệm lại cán bộ  |
| 39 | 39/NQ-HĐQT | 31/10/2013 | Ban hành Quy chế dân chủ trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin. |
| 40 | 40/NQ-HĐQT | 31/10/2013 | Ban hành Quy chế đối thoại trong Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin. |
| 41 | 41/NQ-HĐQT | 14/11/2013 | Cử cán bộ đi học lớp đào tạo cán bộ kế cận cấp cao (Ông Vũ Anh Tuấn – Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thị Tâm – KTT Công ty) |
| 42 | 42/NQ-HĐQT | 23/11/2013 | Xử lý kỷ luật, điều động và giao nhiệm vụ cán bộ (Ông Nguyễn Viết Bảy, Quản đốc PX PV VH-TT) |
| 43 | 43/NQ-HĐQT | 23/11/2013 | Giao nhiệm vụ cán bộ (Ông Nguyễn Hòa Bình giữ quyền Quản đốc PX PV VH-TT) |
| 44 | 44/NQ-HĐQT | 03/12/2013 | Cử cán bộ đi thăm quan du lịch nước ngoài (Bà Nguyễn Thị Tâm – Kế toán trưởng Công ty đi Trung Quốc) |
| 45 | 45/NQ-HĐQT | 19/12/2013 | Chuyển giao công đoạn vận chuyển than tiêu thụ và sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất tại PX VT số 1, PX VT số 4 |
| 46 | 46/NQ-HĐQT | 19/12/2013 | Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2013 theo hợp đồng phối hợp kinh doanh với Vinacomin |
| 47 | 47/NQ-HĐQT | 19/12/2013 | Điều chỉnh kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2013 Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin |
| 48 | 48/NQ-HĐQT | 30/12/2013 | Ban hành Quy chế Khoán và Quản trị chi phí giá thành |

**2. Ban kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số lượng cổ phiếu sở hữu** | **Số buổi họp tham dự 2012** |
| 1 | Ông Phạm Xuân Vinh | Trưởng ban |  | 8 |
| 2 | Ông Nguyễn Tiến Nhương | Ủy viên | 4.587 | 8 |
| 3 | Bà Dương Thị Thu Phong | Ủy viên |  | 8 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2013, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

***3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích***

*a) Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:*Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2013 với tổng số tiền là **176.220.060 đ (Bằng chữ: Một trăm bảy sáu triệu, hai trăm hai mươi ngàn, không trăm sáu mươi đồng)** với các tính như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Mức phụ cấp hàng tháng (đồng)** | **Ghi chú** |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | = 7,30 x Lmin x 30% |  |
| 2 | Uỷ viên HĐQT | = 6,31 x Lmin x 30% |  |
| 3 | Trưởng BKS  | = 6,31 x Lmin x 30% |  |
| 4 | Uỷ viên BKS | = 5,98 x Lmin x 30% |  |

***\*Ghi chú***: Lmin là mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định cho từng thời điểm.

*b) Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2013, HĐQT Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.151.470.000 đồng

***3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*** Không có

***3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*** Không có

***3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:***

 Trong năm 2013 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

**V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**

**1. Ý kiến của kiểm toán** (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 300/2014/BC.KTTC-AASC.QN ngày 12/3/2014 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):

**“**Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

*Vấn đề cấn nhấn mạnh*

- Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo công văn số 614/Vinacomin - HĐTV ngày 08/2/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Công ty thực hiện theo công văn số 6495/Vinacomin - KT ngày 04/12/2013 về việc hướng dẫn lập báo cáo quyết toán năm 2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó các khoản vay dài hạn đến hạn trả năm 2014 là: 82.468.564.912 đồng, Công ty không thực hiện phân loại sang chỉ tiêu vay và nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán.

- Công ty hạch toán số liệu điều chỉnh báo cáo tài chính năm 2012 theo kết quả của cơ quan Kiểm toán Nhà nước theo hướng dẫn tại Công văn số 820/TKV-KT ngày 19/2/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam”

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là : (www.nuibeo.com.vn).

Xin trân trọng cám ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBCK Nhà nước (b/c);- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);- Phòng CNTH (đăng Website Công ty);- HĐQT, BKS (ecopy);- Lưu: HĐQT (3),BKS; VT. | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****CHỦ TỊCH*****Vũ Anh Tuấn*** |